TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 9 - 2020
V/v tranh chấp "ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp "*ly hôn*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1984, *(có mặt)*

Cư trú tại: Ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984, *(có mặt)*

Cư trú tại: Ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1- Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M, *(xin vắng)*

Địa chỉ: Ấp Biện Nhạn, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2- Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện Ngọc H, *(xin vắng)*

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

3 - Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Ngọc H, *(xin vắng)*

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

4 - Cụ Nguyễn Văn M, sinh năm 1930, (người có yêu cầu độc lập).

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

5 - Người đại diện theo ủy quyền C ông Mến: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, *(có mặt)*

Cư trú tại: Ấp Rạch Thọ, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

6 - Cụ Trần Thị U, sinh năm 1941 (vợ cụ Mến, chết năm 2019).

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

7 - Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Hải M), sinh năm 1957, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Trệch Tửng, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

8 - Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

9 - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, *(vắng)*

Cư trú tại: Ấp Kinh Ráng, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

10 - Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, *(có mặt)*

Cư trú tại: Ấp Rạch Thọ, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

11 - Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Rạch Thọ, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

12 - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

13 - Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Rạch Thọ, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

14 - Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

15 - Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Cái Hoãng, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

16 - Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

17 - Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (bị đơn trong vụ án).

Cư trú tại: Ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

18 - Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, *(xin vắng)*

Cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

19 - Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968 (chết năm 1990).

Người thừa kế C bà K gồm:

20 - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963, *(vắng mặt)*

21 - Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1989, *(vắng mặt)*

Cùng cư trú tại: Ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bị đơn, Nguyễn Văn N; người có quyền L và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* N*guyên đơn bà Võ Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống từ năm 2002, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong thời kỳ hôn nhân xảy ra mâu thuẩn dẫn đến mất hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Chí Dững (nam), sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Nguyên (nam) – sinh năm 2009, hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị T, khi ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi hết 02 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: 01 phần đất nuôi trồng thủy sản (viết tắt là NTTS), diện tích 3,9ha, tọa lạc tại ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển (do Nguyễn Văn N đứng tên hợp đồng giao khoán với Ban quản lý phòng hộ Nhưng M). Yêu cầu chia đôi, yêu cầu được nhận phần đất.

- Về nợ thu:

+ Bà Nguyễn Thị N mượn số tiền là 20.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị V mượn số tiền là 6.000.000 đồng.

Chia đôi số nợ này, mỗi người thu 1/2. Trường hợp, bà N và bà V đã trả thì anh N phải giao lại ½ số nợ thu trên.

- Về nợ trả:

+ Vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Ngọc H hiện nay với số tiền 60.000.000 đồng.

+ Vay C Tổ phụ nữ ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông (vay C Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Ngọc Hcòn nợ với số tiền là 17.000.000 đồng. Hai Ngân hàng khởi kiện thì mỗi người trả 1/2.

** Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn anh N đồng ý.

- Về con chung: Có 02 người con như chị T trình bày, anh N yêu cầu nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Đối với yêu cầu C chị T về 01 phần đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 3,9ha, tọa lạc tại ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, đây là tài sản C ông Nguyễn Văn M và Trần Thị U là cha mẹ ruột C N, khi sang nhượng C bà Khổng Thị Bảy thì cha mẹ ủy quyền cho N đứng tên giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M, chỉ quản lý và canh tác, quyền định đoạt vẫn là C ông Mến. Nên anh N không đồng ý theo yêu cầu C chị T về chia tài sản này. Khi ly hôn thì đề nghị trả lại cho cha mẹ.

- Về nợ thu: Bà Nguyễn Thị N mượn số tiền là 20.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị V mượn số tiền là 6.000.000 đồng. Anh N đã thu hồi hai khoản nợ khi T đã bỏ đi, nên anh sử dụng 02 khoản nợ này vào việc thả tôm, cua nên không đồng ý theo yêu cầu chị T.

- Về nợ trả: Vay hai Ngân hàng đúng như chị T trình bày, nếu Ngân hàng yêu cầu thì mỗi người trả ½ số nợ.

** Tại Đơn yêu cầu ngày 07/5/2019 người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn M trình bày*: Vào ngày 08/9/2011, vợ chồng ông có sang nhượng phần đất vuông C bà Khổng Thị Bảy, diện tích 3,9ha ở ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Vì lý do tuổi cao, sức yếu nên vợ chồng ông không canh tác và giao cho hai vợ chồng con trai ông là Nguyễn Văn N và Võ Thị T canh tác, đất do anh N đứng tên trong Sổ hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M. Nay vợ chồng anh N, chị T ly hôn, ông Mến yêu cầu anh N, chị T trả lại cho ông phần đất nên trên để ông tiếp tục canh tác. Vợ ông là Trần Thị U đã mất vào năm 2019.

** Tại Đơn yêu cầu ngày 20/02/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Ngọc H trình bày*: Vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị T có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Hiện tại khoản nợ vay chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc Ngân hàng xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại Công văn số 240 ngày 25/11/2019 Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Ngọc H trình bày*: Vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị T có vay vốn tại Ngân hàng tổng cộng số tiền vay là 17.000.000 đồng, do bà Võ Thị T đại diện hộ gia đình đứng ra vay vốn, đã trả được 5.000.000 đồng. Nay ông N và bà T ly hôn, Ngân hàng yêu cầu ông N và bà T thanh toán số vốn vay là 12.000.000 đồng và phần lãi phát sinh đến thời điểm tất toán. Do điều kiện công việc Ngân hàng xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại Công văn số 27 ngày 22/8/2019 Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhưng M trình bày:* Ngày 11/9/2011 bà Khổng Thị Bảy có đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động đất lại cho Nguyễn Văn N được Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhưng M chấp thuận năm 2015. Ngày 02/11/2015, anh N được Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhưng M bàn giao hiện trạng đất hợp đồng giáo khoán đất lâm nghiệp tại thửa số 161+162, khoảnh 55, tiểu khu 214, diện tích giao 32.890,6m^2. Nguyễn Văn N là người đại diện hộ gia đình đứng tên trong hồ sơ biên bản bàn giao hiện trạng. Khi lập thủ tục bàn giao hiện trạng cho gia đình Nguyễn Văn N thì hồ sơ không thể hiện gì liên quan đến ông Nguyễn Văn M. Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhưng M xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại các bản tự khai những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải M, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Đ cùng trình bày*: Các ông bà là con ruột C ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị U. Hiện tại ông Mến đang có một phần đất vuông ở ấp Rạch Thọ, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, diện tích là 36 công tầm lớn. Ông Mến đã sang nhượng cho ông Lê Văn Lo 18 công tầm lớn với số tiền là 150.000.000 đồng, còn lại 18 công tầm lớn giao lại cho ông Nguyễn Văn L canh tác. Sau đó, ông Mến mang số tiền sang vuông về xã Việt Thắng, huyện Phú Tân cố lại miếng đất trong thời hạn 03 năm là 06 lượng V 24k giao lại cho ông Nguyễn Văn N canh tác. Đến khi hết hợp đồng cầm cố đất thì ông Mến và ông N cùng đi xuống ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông sang nhượng phần đất C bà Khổng Thị Bảy, diện tích 27 công với số tiền là 270.000.000 đồng, ông Mến ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn N canh tác. Các ông bà cùng xác định phần đất mà bà T yêu cầu chia với ông N là phần đất C ông Nguyễn Văn M, các ông bà không có tranh chấp gì đối với phần đất này.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 C Bộ luật tố tụng dân sự.; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 59, 62, 81, 82, 83 C Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 C Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Võ Thị T đối với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu độc lập C ông Nguyễn Văn M về việc đòi lại tài sản là phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau.

3.2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung C Võ Thị T đối với phần đất nuôi trồng thủy sản.

- Giao cho Võ Thị T quyền sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau, với diện tích đo đạc thực tế là 32.132,6m^2, phần đất được giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tạm, 01 cống xổ vuông *(Kèm theo bản đồ trích đo hiện trạng phần đất)*.

- Võ Thị T có nghĩa vụ giao cho Nguyễn Văn N phần chênh lệch giá trị tài sản với số tiền là 278.089.000 đồng (tròn số).

4. Về nợ thu: Buộc Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao ½ số tiền nợ thu C bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị V cho Võ Thị T với số tiền là 13.000.000 đồng.

5. Về nợ trả: Buộc Võ Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản vay C Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Ngọc Hvới tổng số tiền vốn vay là 12.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/7/2020 anh N và ông Mến kháng cáo. Nguyễn Văn N yêu cầu sửa án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu nuôi hai con; về tài sản phần đất diện tích đo đạc thực tế là 32.132,6m^2 tọa lạc tại ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau không đồng ý là tài sản chung C vợ chồng, mà đất C cha mẹ ông N. Ông Mến yêu cầu anh N, chị T giao trả lại phần đất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T đồng ý với bản án sơ thẩm.

Anh N, ông Mến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N trình bày, phần đất giao khoán đang tranh chấp là tài sản C ông Mến nhận chuyển nhượng, do N ở chung với cha mẹ nên ông Mến giao đất để vợ chồng N canh tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định C pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ C các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 308 C BLTTDS, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định tromg đó có nội dung: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa Võ Thị T đối với Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí Dững, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung C Võ Thị T đối với phần đất nuôi trồng thủy sản. Giao cho chị T quyền sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, với diện tích đo đạc thực tế là 32.132,6m^2. Chị T có nghĩa vụ giao cho Nguyễn Văn N phần chênh lệch giá trị tài sản với số tiền là 278.089.000 đồng (tròn số). Anh N và ông Mến kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng xác định 32.132,6m^2 đất là tài sản C ông Mến cho vợ chồng N, T mượn canh tác; ngoài ra, anh N kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con.

[2] Xét kháng cáo C Nguyễn Văn N

2.1- Kháng cáo yêu cầu nuôi hai con: Anh N, chị T có hai người con là Nguyễn Chí Dững, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 2009. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 C Luật hôn nhân và gia đình: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên nuôi căn cứ vào quyền L về mọi mặt C con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng C con.* Các cháu có văn bản trình bày ý kiến có nguyện vọng ở với mẹ. Cho nên cấp sơ thẩm giao hai cháu cho chị T nuôi là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, kháng cáo C anh N về trực tiếp nuôi con không được chấp nhận.

2.2- Xét kháng cáo với nội dung phần đất nuôi trồng thủy với diện tích đo đạc thực tế là 32.132,6m^2 thuộc quyền sử dụng C ông Nguyễn Văn M cho vợ chồng mượn canh tác, nay giao trả lại cho ông Mến.

Qua xem xét toàn diện chứng thể hiện: Các đương sự xác nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 32.132,6m^2 tọa lạc tại ấp Đồng Khởi, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau là nhận chuyển nhượng từ bà Khổng Thị Bảy. Ông Mến và anh N trình bày, phần đất ông Mến nhận chuyển nhượng từ bà Bảy, sau đó cho vợ chồng N mượn canh tác và ông Mến ủy quyền cho anh N đứng tên giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M; chị T

không thống nhất với ý kiến C ông Mến và anh N, theo chị phần đất là tài sản chung C chị và anh N, do anh chị nhận chuyển nhượng từ bà Bảy. Cấp sơ thẩm xác định 32.132,6m^2 đất là tài sản chung C anh N, chị T là có căn cứ, bởi lẽ: ông Mến, anh N không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh phần đất do ông Mến nhận chuyển nhượng và cho vợ chồng anh N mượn cho nên phải chịu hậu quả C việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh; trong khi đó giấy tờ thể hiện bà Bảy chuyển nhượng cho anh N và các giấy tờ liên quan đến giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M đều do anh N đứng tên hợp lệ. Do đó, kháng cáo C anh N về yêu cầu 32.132,6m^2 đất là tài sản C ông Mến giao trả cho ông Mến không được chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị T trình bày: Sau khi kết hôn trong một thời gian dài thì cha mẹ chồng giao đất vuông (không phải đất đang tranh chấp) và cố đất tại huyện Phú Tân để cho anh chị trực tiếp sản xuất tạo thu nhập nuôi gia đình, anh N là người trực tiếp canh tác, xổ vuông…; Hội đồng xét xử nhận thấy, phần đất đang tranh chấp anh N là người đứng tên giao khoán với BQL rừng Phòng hộ Nhưng M; anh có nhu cầu về sản xuất và quản lý đất từ năm 2017 đến nay. Về phía chị T, cấp sơ thẩm giao hai con cho chị nuôi nhưng hiện tại các cháu đã nghỉ học và theo chị ở tại tỉnh Đồng Nai và chị có thu nhập ổn định theo chị trình bày thu nhập đảm bảo nuôi con, và nếu ai nhận đất hoặc nhận giá trị cũng không bị ảnh hưởng đến quyền L, vì định giá đất đúng với giá thực tế. Nhận thấy, tại cấp sơ thẩm yêu cầu C anh N là giao trả lại toàn bộ phần đất cho cụ Mến không được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm giao ½ giá trị cho anh N. Nhưng với những phân tích trên, cấp phúc thẩm giao đất cho anh N là phù hợp, việc giao đất cho anh N trực tiếp canh tác không vượt quá phạm vi kháng cáo, vì anh kháng cáo yêu cầu giao trả lại toàn bộ đất.

[3] Xét kháng cáo C ông Nguyễn Văn M về yêu cầu 32.132,6m^2 đất là tài sản C ông cho anh N, chị T mượn canh tác

Nội dung kháng cáo này C ông Mến cùng nội dung kháng cáo C anh N được nhận định tại mục 2.2; do đó, kháng cáo C ông Mến không được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo C anh N về việc giao cho anh N trực tiếp quản lý phần đất; không chấp nhận kháng cáo C ông Nguyễn Văn M; sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

[5] Án phí phúc thẩm: Anh N không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại; cụ Mến thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

[6] Các quyết định khác C án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 C Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo C Nguyễn Văn N về việc giao cho anh N trực tiếp quản lý phần đất; không chấp nhận kháng cáo C Nguyễn Văn M; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 C Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Võ Thị T đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí Dững– sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Văn Nguyên – sinh năm 2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con C chị T.

3. Về tài sản

3.1. Không chấp nhận yêu cầu độc lập C cụ Nguyễn Văn M về việc đòi lại tài sản là phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau.

3.2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung C chị Võ Thị T đối với phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau.

- Giao cho anh N quyền sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Đồng Khởi – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau, với diện tích đo đạc thực tế là 32.132,6m^2, phần đất được giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tạm, 01 cống xổ vuông, vị trí tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía đông giáp với rạch Cóc Sâu.

+ Phía tây giáp phần đất ông Lê Văn Huyện (Trần Văn Phụng).

+ Phía nam giáp phần đất ông Lê Văn Huyện và ông Phạm Thanh Bình.

+ Phía bắc giáp phần đất ông Khưu Minh Trương và ông Trần Ngọc Hải.

(Kèm theo bản đồ trích đo hiện trạng phần đất)

Anh N có nghĩa vụ giao cho chị T ½ giá trị từ chia tài sản chung

là 278.089.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng, tính tròn số)*.

4. Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao lại cho chị Võ Thị T số tiền là 6.517.500 đồng.

5. Về nợ thu: Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ giao ½ số tiền nợ thu C bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị V cho chị Võ Thị T với số tiền là 13.000.000 đồng.

Trường hợp chị T và anh N chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu T khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 C Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm giao tại thời điểm thi hành án.

6. Về nợ trả: Buộc chị Võ Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản vay C Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Ngọc Hvới tổng số tiền vốn vay là 12.000.000 đồng.

Từ ngày 13/7/2020 chị T còn phải tiếp tục chịu T khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán nêu trên, theo mức lãi suất được quy định tại sổ vay vốn đến khi thanh toán dứt nợ vay.

Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Ngọc H, phía Ngân hàng có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

7. Về án phí

Án phí sơ thẩm:

- Chị Võ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000 đồng, án phí chia tài sản với số tiền 13.904.000 đồng, án phí nợ trả với số tiền là 300.000 đồng; chị T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 5.150.000 đồng tại biên lại thu tiền số 0005565 ngày 28/01/2019 C Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, sau khi đối trừ chị T phải nộp tiếp với số tiền là 9.354.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí chia tài sản với số tiền là 13.904.000 đồng, án phí nợ trả với số tiền là 300.000 đồng.

- Phần ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận, nên không xem xét.

Án phí phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Văn N không phải chịu, anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0006289 ngày 28/7/2020 C Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được nhận lại.

- Cụ Mến thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

8. Các quyết định khác C án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền